

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 19- 9-2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi*

*Con, chia tài sản chung, nợ chung khi  
ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khải và Ông Phạm Đình Bông.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/5/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS, ngày 07/9/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn S, sinh năm 1981 – Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Đàm Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô

Bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001
2. Cháu Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và cháu Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007.

(Là các con chung của ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th và cháu Ch là ông Lâm Văn S. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

3. Ngân hàng CS (Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thái H – Giám đốc Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô – Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H kết hôn với nhau năm 2002 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Buôn Ch, huyện Krông Nô. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau đã lâu. Vì vậy ông Lâm Văn S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H.

Về nuôi con chung: Ông Lâm Văn S có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007 đến tuổi trưởng thành. Ông Lâm Văn S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự mình nên ông Lâm Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lâm Văn S nhận thanh toán toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng mà bà H đứng tên vay của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo khoản vay “Hộ mới thoát nghèo” số tiền 50.000.000 đồng và khoản vay “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” số tiền 20.000.000 đồng.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 ông Lâm Văn S yêu cầu Tòa án phân chia theo hướng ông Lâm Văn S được nhận **toàn bộ** diện tích thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, sổ vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020.

Kết quả thẩm định giá tài sản thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, sổ vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020 là 79.023.000 đồng. Do ông Lâm Văn S nhận thanh toán toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng mà bà H đứng tên vay của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô, vì vậy ông Lâm Văn S **thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án cụ thể là công nhận giá trị quyền sử dụng đất sau khi trừ đi khoản tiền 70.000.000 đồng là: 79.023.000 đồng – 70.000.000 đồng = 9.023.000 đồng** đồng thời ông Lâm Văn S yêu cầu phân chia giá trị quyền sử dụng đất còn lại được chia làm 5 phần ngang bằng nhau tương ứng với mỗi người bao gồm ông Lâm Văn S, cô Hải, cháu Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001, cháu Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007. Cụ thể: 9.023.000 đồng: 5 = 1.804.600 đồng/01 người. Về hình thức ông Lâm Văn S nhận quyền sử dụng đất và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt giá trị quyền sử dụng đất mà bà Đàm Thị H và cháu Nga được nhận là 1.804.600 đồng/01 người. Đối với phần giá trị mà cháu

Lâm Thị Th và Lâm Thành Ch được nhận, ông Lâm Văn S đề nghị Tòa án tạm giao cho ông Lâm Văn S quản lý cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên Tòa nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đàm Thị H có văn bản trình bày:

Bà H công nhận mối quan hệ hôn nhân của ông bà đúng như lời trình bày của ông S. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được vì vậy bà H đồng ý ly hôn với ông Lâm Văn S.

Về nuôi con chung: Bà H tôn trọng và đồng ý với nguyện vọng của cháu Lâm Thị Th và cháu Lâm Thành Ch. Cháu Lâm Thị Ng sinh ngày 19/7/2001 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự mình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu chia nợ chung: Bà H đồng ý để ông Lâm Văn S nhận thanh toán toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng cho Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô: Ông Đào Thái Hùng trình bày:

Toàn bộ hồ sơ vay vốn đã được Ngân hàng cung cấp cho Tòa án. Hồ sơ vay vốn thể hiện bà Đàm Thị H đứng tên vay của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo khoản vay “Hộ mới thoát nghèo” số tiền 50.000.000 đồng và khoản vay “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” số tiền 20.000.000 đồng. Việc vay vốn thực hiện có sự đảm bảo của hội phụ nữ của thôn Ninh Giang. Quá trình Nguyên đơn vay vốn đến nay thì việc thanh toán nợ lãi hàng tháng thực hiện qua tổ vay vốn ở thôn Ninh Giang, Ngân hàng chỉ thực hiện việc thu lãi định kỳ hàng tháng tại Ủy ban nhân dân xã Buôn Choah, tuy nhiên qua báo cáo lại thì hộ ông Lâm Văn S thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi. Nay bà Đàm Thị H vắng mặt, ông Lâm Văn S đứng ra nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền 70.000.000 đồng mà bà Đàm Thị H đứng tên thì Ngân hàng đồng ý, Ngân hàng tiếp tục cho ông Lâm Văn S thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi, gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung ông Lâm Văn S nhận thanh toán toàn bộ số tiền nợ 70.000.000 đồng và thể hiện bằng một Quyết định hoặc Bản án có hiệu lực pháp luật để trường hợp ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có cơ sở pháp lý yêu cầu ông S phải thực hiện như nội dung đã cam kết.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô trình bày do nguyên đơn ông S rút yêu cầu khởi kiện về phân tài sản chung, nợ chung, phía Ngân hàng cũng không có yêu cầu độc lập mặt khác khoản nợ của các đương sự chưa đến hạn trả và lãi thì trả đầy đủ nên phía Ngân hàng không có ý kiến gì.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông S và bà H tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân của ông S và bà H có mâu thuẫn hay không thì Ban tự quản thôn không biết nhưng từ cách đây 03 năm thì bà H đi làm ăn xa, thời gian đầu thỉnh thoảng bà H về thăm gia đình sau đó không thấy về, ông S và bà H đã không còn chung sống với nhau đã lâu.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản trích lục kết hôn; bản sao CMND, sổ hộ khẩu, 03 giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản sao); Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 và hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909 của bà Đàm Thị H (Bản sao y của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô); Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/8/2022; Biên bản định giá tài sản ngày 07/9/2022. Đây là các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập theo trình tự thủ tục được Tòa án chấp nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H.

Về yêu cầu nuôi con chung: **Công nhận sự thỏa thuận của ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H:** Giao con chung Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007 cho ông Lâm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Lâm Văn S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đối với con chung Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nợ chung việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên đề nghị đình chỉ đối với phần yêu cầu chia nợ chung, tài sản chung.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc ông Lâm Văn S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Lâm Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lâm Văn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, chia tài sản, nợ chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”. Bị đơn là bà Đàm Thị H có nơi cư trú tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bản trích lục kết hôn, thể hiện ông S và bà H kết hôn và có đăng ký kết 20/10/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Do bất đồng quan điểm sống, ông bà không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, quan tâm, thấu hiểu, yêu thương, tin tưởng nhau nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là từ đầu năm 2019 đến nay ông bà không chung sống với nhau. Bà H đi làm ăn xa không về, ông S và bà H không ai chịu liên lạc, gặp gỡ nhau để cùng nhau trao đổi, tháo gỡ mâu thuẫn mà để mặc cho hôn nhân rạn nứt. Điều này phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của ông S và bà H tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đến nay tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, ông bà không mong muốn đoàn tụ, ông Lâm Văn S cương quyết ly hôn, bà Đàm Thị H đồng ý ly hôn với ông S. Do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của ông S và bà H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về yêu cầu con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Văn S có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, bà Đàm Thị H có ý kiến tôn trọng nguyện vọng của các con chung.

Tại khoản 1, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

...

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu Lâm Thị Th và cháu Lâm Thành Ch đang sinh sống cùng với ông S, bà H đi làm ăn xa không thường xuyên về nhà



vì vậy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu do ông S thực hiện. Biên bản ghi nhận ý kiến của các con chưa thành niên thể hiện cháu Thương và cháu Chiêu có nguyện vọng được sống cùng với ông S. Bà Đàm Thị H đồng ý với nguyện vọng của các con. Vì vậy **cần công nhận sự thỏa thuận của ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H**: Giao con chung Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007 cho ông Lâm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Lâm Văn S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đối với con chung Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn ông S và bà H có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Tại phiên Tòa nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp, tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bên nguyên đơn đã rút.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lâm Văn S nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng mà ông Lâm Văn S đã nộp tại Tòa án theo phiếu thu ngày 05/7/2022.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lâm Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn với số tiền 300.000 đồng;

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 235, Điều 244; Điều 212; Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng **Điều 27, Điều 59**; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng

năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; **Điều 213**; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn S.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H thuận tình ly hôn.

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Giao con chung Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007 cho ông Lâm Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Lâm Văn S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Đối với con chung Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001 đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không thuộc trường hợp không có khả năng lao động và không có tài sản để tự mình nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, do ông Lâm Văn S rút yêu cầu. Ông Lâm Văn S có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lâm Văn S nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng mà ông Lâm Văn S đã nộp tại Tòa án theo phiếu thu ngày 05/7/2022.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lâm Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S

đã nộp 2.550.000 đồng, Hoàn trả cho ông S số tiền còn lại 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0003297 ngày 24/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Buôn Ch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phan Xuân Hoàng**



Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 70.000.000 đồng cho Ngân hàng CS là  $70.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.500.000 \text{ đồng}$ ; Án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản mà ông Lâm Văn S và cháu Lâm Văn Chiêu được nhận là 600.000 đồng. Tổng cộng là  $300.000 \text{ đồng} + 3.500.000 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng} = 4.400.000 \text{ đồng}$ , được trừ số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Lâm Văn S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003297, ngày 24/5/2022. Ông Lâm Văn S phải tiếp tục nộp số tiền là 2.150.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc bà Đàm Thị H, chị Lâm Thị Ng, cháu Lâm Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản mỗi người được nhận là 300.000 đồng/01 người.

c. Về yêu cầu chia nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: Ông Lâm Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng CS (Đại diện nhận tiền Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô) tổng số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc theo chương trình “Cho vay hộ mới thoát nghèo” tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 là 50.000.000 đồng và số tiền nợ gốc theo chương trình “Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số

6600000715725909 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Lâm Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 và hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

d. Về yêu cầu phân chia tài sản chung: Công nhận giá trị quyền sử dụng đất sau khi trừ đi khoản tiền 70.000.000 đồng là: 79.023.000 đồng – 70.000.000 đồng = 9.023.000 đồng.

Giao ông Lâm Văn S nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, sổ vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020 đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông được cấp cho hộ ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H.

Ông Lâm Văn S có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt giá trị quyền sử dụng đất mà bà Đàm Thị H và cháu Lâm Thị Ng, cháu Lâm Thị Th (17 tuổi 03 tháng 16 ngày) được nhận là 1.804.600 đồng/01 người; Tạm giao cho ông Lâm Văn S quản lý đối với phần giá trị mà cháu Lâm Thành Ch được nhận là 1.804.600 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ 70.000.000 đồng cho Ngân hàng CS là 70.000.000 đồng x 5% = 3.500.000 đồng; Án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản mà ông Lâm Văn S và cháu Lâm Văn Chiêu được nhận là 600.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng + 3.500.000 đồng + 600.000 đồng = 4.400.000 đồng, được trừ số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Lâm Văn S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003297, ngày 24/5/2022. Ông Lâm Văn S phải tiếp tục nộp số tiền là 2.150.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc bà Đàm Thị H, chị Lâm Thị Ng, cháu Lâm Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản mỗi người được nhận là 300.000 đồng/01 người.

[2.3.1]. Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 thể hiện bà Đàm Thị H đứng tên vay theo chương trình “Cho vay hộ mới thoát nghèo”; số tiền vay 50.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, với số tiền trả nợ 12.500.000 đồng/lần; lãi suất trong hạn 8,25%/năm, lãi suất quá hạn 10,725%/năm; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/7/2023.

Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 thể hiện bà Đàm Thị H đứng tên vay theo chương trình “Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn”; số tiền vay 20.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, với số tiền trả nợ 2.200.000 đồng/lần; lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi suất quá hạn 11,7%/năm; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/7/2024.

Tại mục người vay bà H viết “Hải” và “Đàm Thị H”. Tuy nhiên tại Giấy ủy quyền ngày 04/7/2019 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Buôn Choah, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông thể hiện người ủy quyền là ông Lâm Văn S. Và ông Lâm Văn S cùng với bà Đàm Thị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản vay của Ngân hàng.

Lời trình bày của ông Sâm Văn Siu và Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô thể hiện quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng thì ông Lâm Văn S là người thanh toán tiền lãi hàng tháng, hiện nay hộ ông Lâm Văn S không vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Vì vậy có cơ sở để xác định khoản nợ với tổng số tiền 70.000.000 đồng mà bà Đàm Thị H đứng tên vay của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô là khoản nợ chung của vợ chồng ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H.

[2.3.2]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Văn S và Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô thỏa thuận ông Lâm Văn S có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng cho Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô, bà Đàm Thị H cũng đồng ý nội dung

này, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: Ông Lâm Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng CS (Đại diện nhận tiền: Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô) tổng số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc theo chương trình “Cho vay hộ mới thoát nghèo” tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 là 50.000.000 đồng và số tiền nợ gốc theo chương trình “Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Lâm Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 và hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

#### [2.4]. Về yêu cầu phân chia tài sản chung:

Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, số vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020 đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông được cấp cho hộ ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông S có các thành viên là ông S, bà H, cháu Lâm Thị Ng, Lâm Thị Th và Lâm Thành Ch.

Kết quả thẩm định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, số vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020 là **79.023.000 đồng**.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 ông Lâm Văn S yêu cầu Tòa án phân chia theo hướng ông Lâm Văn S được nhận **toàn bộ** diện tích thuộc thửa đất số

375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, sổ vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa ông Lâm Văn S cung cấp 02 giấy thanh toán nợ cho..... **(cung cấp tại phiên tòa sẽ ghi vào sau)**, đồng thời ông nhận thanh toán toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng mà bà H đứng tên vay của Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô. Đây là những khoản nợ chung mà ông S, bà H có nghĩa vụ phải thanh toán nợ trong thời kỳ hôn nhân. Xét đến công sức đóng góp để duy trì khối tài sản chung thì ông Lâm Văn S có công sức đóng góp nhiều hơn. Tuy nhiên bà Đàm Thị H có ý kiến chia đều cho ông bà và 03 con chung, ông Lâm Văn S cũng đồng ý và thay đổi **yêu cầu khởi kiện về việc phân chia đều giá trị của quyền sử dụng đất, Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 213 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận thay đổi yêu cầu của ông S. Công nhận giá trị quyền sử dụng đất sau khi trừ đi khoản tiền 70.000.000 đồng là: 79.023.000 đồng – 70.000.000 đồng = 9.023.000 đồng, Phân chia giá trị quyền sử dụng đất còn là 9.023.000 đồng làm 5 phần ngang bằng nhau tương ứng với mỗi người bao gồm ông Lâm Văn S, bà Đàm Thị H, cháu Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001, cháu Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007. Cụ thể:  $9.023.000 \text{ đồng} : 5 = 1.804.600 \text{ đồng}/01 \text{ người}$ . Về hình thức giao cho ông Lâm Văn S nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô cấp giấy chứng nhận số CR 060631, sổ vào sổ cấp GCN CS 02019, cấp ngày 06/8/2020 đối với thửa đất số 375, tờ bản đồ số 4, diện tích 3700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn Ninh Gi, xã Buôn Ch, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông được cấp cho hộ ông Lâm Văn S và bà Đàm Thị H. Ông Lâm Văn S **có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt giá trị quyền sử dụng đất mà bà Đàm Thị H và cháu Lâm Thị Ng, cháu Lâm Thị Th (17 tuổi 03 tháng 16 ngày) được nhận là 1.804.600 đồng/01 người; Tạm giao cho ông Lâm Văn S quản lý đối với phần giá trị mà cháu Lâm Thành Ch được nhận là 1.804.600 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.****

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc: Ông Lâm Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng CS (Đại diện nhận tiền Ngân hàng CS – Phòng giao dịch Krông Nô) tổng số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc theo chương trình “Cho vay hộ mới thoát nghèo” tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 là 50.000.000 đồng và số tiền nợ gốc

theo chương trình “Cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” tại Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909 kèm theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 04/7/2019 là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Lâm Văn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725962 và hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 6600000715725909. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Về yêu cầu phân chia tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận giá trị quyền sử dụng đất sau khi trừ đi khoản tiền 70.000.000 đồng là: 79.023.000 đồng – 70.000.000 đồng = 9.023.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phân chia giá trị quyền sử dụng đất còn lại được chia làm 5 phần ngang bằng nhau tương ứng với mỗi người bao gồm ông Lâm Văn S, bà Đàm Thị H, cháu Lâm Thị Ng, sinh ngày 19/7/2001, cháu Lâm Thị Th, sinh ngày 03/6/2005 và Lâm Thành Ch, sinh ngày 02/8/2007. Cụ thể: 9.023.000 đồng : 5 = 1.804.600 đồng/01 người. Về hình thức giao ông Lâm Văn S nhận quyền sử dụng đất và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt giá trị quyền sử dụng đất mà bà Đàm Thị H và cháu Lâm Thị Ng, cháu Lâm Thị Th (17 tuổi 03 tháng 16 ngày) được nhận là 1.804.600 đồng/01 người; Tạm giao cho ông Lâm Văn S quản lý đối với phần giá trị mà cháu Lâm Thành Ch được nhận là 1.804.600 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.